

Bản án số: 05/2021/HNGĐ - ST

Ngày 28-5-2021

*“Không công nhận vợ chồng,
tranh chấp về nuôi con”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- ***Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Bà Cẩn Thị Thành và ông Hoàng Minh Hải.
- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Võ Thị Nhàn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đắc Song.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2020/TLST – HNGĐ, ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc *“ Không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắc Song giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị M, sinh năm 1977 - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 9, xã Nam B, huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1974 - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 9, xã Nam B, huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/11/2020 và các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị M trình bày: Chị Bùi Thị M và anh Nguyễn Văn S có làm đám cưới vào ngày 22/8/1998 âm lịch nhưng chị M và anh S không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc sống chung như vợ chồng hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, do không hiểu biết pháp luật nên chị M và anh S không đi đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống có ba con chung là Nguyễn Phương N, sinh ngày 28/01/1999, Nguyễn Văn T, sinh ngày 27/8/2004, Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 19/5/2006. Trong thời gian chung sống với nhau chị M và anh S chung sống như vợ chồng bình thường chứ cũng không

hạnh phúc, chị M và anh S thường xuyên bất đồng quan điểm sống làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng nặng nề, hai vợ chồng cứ chấp nhau, dẫn đến cãi vã thậm chí anh S còn đánh đập bản thân chị nhiều lần. Trước đây, vợ chồng chị mâu thuẫn nhiều lần thì gia đình hai bên cũng có khuyên bảo cho hai vợ chồng nhưng sau này mâu thuẫn của chị M và anh S không được giải quyết nên hai bên cũng không khuyên thêm. Hiện nay, chị M và anh S không sống chung với nhau từ ngày 04/3/2020 âm lịch đến nay nên chị không còn tình cảm với anh S nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị M và anh Nguyễn Văn S là vợ chồng. Về con chung: Chị M xin nuôi hai con Nguyễn Văn T, sinh ngày 27/8/2004 và Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 19/5/2006 đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, còn con Nguyễn Phương N, sinh ngày 28/01/1999 đã trưởng thành chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng: Chị M không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi hai con Nguyễn Văn T, sinh ngày 27/8/2004 và Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 19/5/2006. Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày: Anh và chị Bùi Thị M làm đám cưới ngày 22/8/1998 âm lịch chứ không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc sống chung như vợ chồng hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, việc anh S và chị M không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là lúc đó do xa trung tâm nên sau khi làm đám cưới thì anh, chị cũng lo làm ăn nên theo năm tháng cũng quên nên anh S và chị M cũng không đi đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống có ba con chung là Nguyễn Phương N, sinh ngày 28/01/1999, Nguyễn Văn T, sinh ngày 27/8/2004, Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 19/5/2006. Việc anh và chị M tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng lúc đầu cũng hạnh phúc, nhưng sau đó thì giữa anh S và chị M bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã. Gia đình hai bên có khuyên bảo cho hai bên nhưng chúng tôi vẫn vậy không tìm được tiếng nói chung. Hiện anh chị không sống chung với nhau từ đầu năm 2020 đến nay nên anh S cũng không còn tình cảm với chị M nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh S và chị Bùi Thị M là vợ chồng. Về con chung: Anh S nhường quyền nuôi hai con Nguyễn Văn T, sinh ngày 27/8/2004 và Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 19/5/2006 cho chị Bùi Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, còn con Nguyễn Phương N, sinh ngày 28/01/1999 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng: Anh S không cấp dưỡng tiền nuôi hai con Nguyễn Văn T, sinh ngày 27/8/2004 và Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 19/5/2006. Về tài sản chung và nợ chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (Viết tắt: HĐXX); Thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt: BLTTDS). Việc chấp

hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Đề nghị giải quyết không công nhận vợ chồng giữa chị Bùi Thị M và anh Nguyễn Văn S. Về con chung: Đề nghị giao hai con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 27/8/2004 và Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 19/5/2006 cho chị Bùi Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: **Chị M không yêu cầu và anh S cũng không cấp dưỡng nên không đề cập xem xét.** Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Nguyên đơn chị Bùi Thị M khởi kiện anh Nguyễn Văn S sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1998, và không đăng ký kết hôn nên xác định quan hệ tranh chấp về việc “*Không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Bị đơn có địa chỉ tại Thôn 9, xã Nam B, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn chấp hành tốt quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Qua nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và việc thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, HĐXX nhận định: Chị M và anh S có làm đám cưới vào ngày 22/8/1998 âm lịch và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998 đến năm 2020 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống có với nhau 03 con chung. Trong quá trình chung sống có ba con chung là Nguyễn Phương N, sinh ngày 28/01/1999, Nguyễn Văn T, sinh ngày 27/8/2004, Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 19/5/2006. Trong cuộc sống, thường xuyên mâu thuẫn: Chị M và anh S bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, thậm chí còn đánh đập nhau. Hiện nay hai người đã sống ly thân từ năm 2020 và cũng không còn tình cảm gì với nhau.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 Luật này*”

Việc chị M và anh S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998 đến nay mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] Về yêu cầu con chung: Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 05/3/2021, con chung Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 29/5/2006 và tại biên bản

ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 08/3/2021, con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 27/8/2004 có nguyện vọng được ở cùng với chị M. Khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

Hội đồng xét xử xét thấy chị M và anh S đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung, hiện nay hai cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 27/8/2004, Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 19/5/2006 đang sống với mẹ và anh S không chăm sóc con cái nên để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con và cũng như nguyện vọng của các cháu muốn được ở với mẹ; xét thấy nguyện vọng của chị M và các cháu Nguyễn Văn T, Nguyễn Hoàng S là chính đáng nên HĐXX thấy cần giao con Nguyễn Văn T, sinh ngày 27/8/2004, Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 19/5/2006 cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành(đủ 18 tuổi).

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị M không yêu cầu anh Nguyễn Văn S cấp dưỡng tiền nuôi con chung và anh S cũng không cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Sau khi ly hôn chị M, anh S có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung theo quy định các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình.

[6] Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[7] Xét quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về nội dung vụ án có cơ sở và căn cứ nên cần chấp nhận.

[8] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 6; Điều 70; Điều 71; Điều 72; Điều 143; Điều 147; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 58 các Điều 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Bùi Thị M và anh Nguyễn Văn S là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 27/8/2004, Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 19/5/2006 cho chị Bùi Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn chị Bùi Thị M và anh Nguyễn Văn S có các quyền, nghĩa vụ sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chưa thành niên theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị Bùi Thị M phải chịu toàn bộ số tiền trên, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai số 0002024 ngày 23/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắc Song, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắc Song;
- Chi cục THA DS huyện Đắc Song;
- UBND xã Nam B, huyện Đắc Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Huệ

